

QUÁ TRÌNH TRUYỀN NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG GIÁO TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI MÔNG Ở LÀO CAI

Tóm tắt: Công giáo được truyền nhập vào các tỉnh miền núi phía Bắc khá muộn so với các vùng miền khác trên cả nước. Đầu thế kỷ XX, nghĩa là sau gần 400 năm có mặt ở Việt Nam, Công giáo mới được các giáo sĩ Hội Thừa sai Hải ngoại Paris (MEP) truyền bá lên vùng người Mông ở Lào Cai. Quá trình hình thành và phát triển Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai từ những năm 1920 cho đến nay trải qua những bước thăng trầm, có khi tưởng chừng như không còn tồn tại. Song, với lòng kiên đạo của đồng bào, Công giáo đã vượt qua giai đoạn khó khăn, dần phát triển và xác lập được một cộng đoàn tín hữu ở đây.

Từ khóa: Công giáo; Thừa sai; người Mông; Sa Pa; Lào Cai.

Lào Cai là tỉnh miền núi, biên giới Tây Bắc của Việt Nam, có diện tích tự nhiên 6.3873,7 km², tương đương 1,92% diện tích cả nước, với tổng dân số 615.620 người. Toàn tỉnh có 25 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm 37,31%, dân tộc Mông chiếm 21,27%, dân tộc Tày chiếm 15,25%, dân tộc Dao chiếm 13,34%, các dân tộc khác chiếm 12,83%¹.

Công giáo hiện diện ở Lào Cai từ thập niên 20 của thế kỷ XX. Những “hạt giống Tin Mừng” đầu tiên là người dân tộc Mông sinh sống ở hai xã Lao Chải và Hầu Thào thuộc huyện Sa Pa. Theo Báo cáo tổng kết công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2016 của Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ tỉnh Lào Cai, Công giáo ở tỉnh Lào Cai có 4 giáo xứ (Lào Cai, Cốc Lếu, Phố Lu, Sa Pa), 15 giáo họ, 8 nhà thờ, nhà nguyện, 9 linh mục, 3 nhà tu hành, 120 chức việc và 8.296 giáo dân, trong đó có 2.778 tín đồ là người dân tộc Mông. Đây là kết

* Trường Chính trị tỉnh Lào Cai.

Ngày nhận bài: 04/3/2019; Ngày biên tập: 11/3/2019; Ngày duyệt đăng: 21/3/2019.

quả của một quá trình lâu dài và bền bỉ được khởi đầu bằng nỗ lực của các giáo sĩ thuộc Hội Thừa sai Hải ngoại Paris (MEP). Họ đã vượt qua nhiều khó khăn để đưa người Mông đến với Chúa Giêsu Kitô. Những nỗ lực đó được khẳng định bằng việc số người Mông cải giáo từ tín ngưỡng truyền thống sang Công giáo dần tăng lên, dù rất chậm. Trong bài viết này, chúng tôi khái quát các giai đoạn hình thành và phát triển của Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai.

1. Giai đoạn 1918 - 1948: Bắt đầu truyền nhập và có linh mục Pháp coi sóc

Sau khi triều đình Huế phải ký Hòa ước Patenôtre ngày 6/6/1884, thực dân Pháp tiếp tục mở rộng địa bàn chiếm đóng tại các tỉnh phía Bắc Việt Nam. Tháng 3 năm 1886, Pháp chiếm được Lào Cai và thực hiện chế độ quân quản. Đến cuối năm 1907, chính quyền thuộc địa mới chuyển sang chế độ cai trị dân sự, thành lập tỉnh Lào Cai. Đầu thế kỷ XX, Pháp cho xây dựng một khu nghỉ dưỡng dành cho sĩ quan quân đội và công chức của chính quyền thuộc địa. Để tiện sinh hoạt tôn giáo cho những người làm việc ở đây, năm 1902, dưới thời giám mục Paul Ramond Lộc (Phao lô Lộc)², giáo xứ Sa Pa được thành lập. Năm 1905, nhà thờ và nhà xứ được xây dựng tại thị trấn Sa Pa vừa làm nhà ở cho linh mục vừa làm nơi giảng đạo và hội họp của Công giáo buổi ban đầu. Trong thời gian làm mục vụ cho binh lính và công chức Pháp, linh mục tuyên úy François Marie Savina (tên tiếng Việt là Cố Vị) từng bước truyền bá Công giáo vào vùng đồng bào dân tộc thiểu số, mà trọng tâm là người Mông nơi đây.

Năm 1918, F.M. Savina đề nghị chính quyền thuộc địa tạo mọi điều kiện phát triển mạnh Công giáo vào người Mông. F.M. Savina cùng công sứ Pháp ở Lào Cai lập một kế hoạch truyền đạo vào vùng người Mông rất cụ thể, trong đó đặc biệt coi trọng đội ngũ trưởng họ, già làng trong xã hội truyền thống người Mông. Vì vậy, F.M. Savina tìm mọi cách tranh thủ tiếp cận những người đứng đầu dòng họ, già làng để truyền đạo. Tuy nhiên, đây là một công việc không dễ, vì ở thời điểm đó, các dòng họ lớn không muốn tiếp nhận Công giáo - một tôn giáo rất xa lạ với tín ngưỡng đa thần của người Mông. Trong nhận thức của đồng bào, đó là tôn giáo của phương Tây, do người Pháp

mang đến chứ không phải là đạo của người Mông, mà bấy giờ, người Mông đang có phong trào chống Pháp rất mạnh mẽ. Những năm 1904-1905, người Mông ở hai xã Lao Chải và Hào Thào (Sa Pa) nổi dậy chống Pháp. Đặc biệt là vào năm 1918, trên địa bàn huyện Sa Pa có cuộc khởi nghĩa do Giàng Sran chỉ huy, người Mông ở các xã hạ huyện Sa Pa đấu tranh đòi độc lập, tự do khai khẩn ruộng nương, chống bắt phu, bắt thuế. Sau khi dẹp xong cuộc khởi nghĩa, nhằm góp phần giữ ổn định tình hình, Pháp có chủ trương truyền đạo vào vùng người Mông tham gia phong trào chống Pháp. Trần Hữu Sơn rất có lý khi khẳng định: “Trước phong trào đấu tranh quyết liệt của người Hmông, cha cố đại úy Savina cùng với công sứ Pháp ở Lào Cai xây dựng kế hoạch truyền đạo vào vùng người Hmông nhằm xoa dịu, ru ngủ tinh thần đấu tranh chống Pháp của người Hmông”³.

Để thực hiện kế hoạch này, linh mục F.M. Savina đã bỏ rất nhiều công sức, kiên trì thực hiện việc truyền giáo. Đầu tiên là phải tiếp cận, gần gũi với người Mông. Ông đã tìm cách tiếp xúc với người Mông các xã gần thị trấn Sa Pa; sống cùng với họ để học tiếng nói, tìm hiểu tâm lý, phong tục, tập quán của tộc người này. Với những kiến thức vốn có cũng với kinh nghiệm đã được tích lũy trong quá trình truyền giáo các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam, F.M. Savina đã dần tìm thấy những điểm tương đồng giữa giáo lý Kitô với truyền thuyết của người Mông. Theo Vương Duy Quang, công sức tìm hiểu lịch sử, phong tục, tập quán cũng như sưu tầm các câu chuyện cổ tích của người Mông đã giúp giáo sĩ F.M. Savina thực hiện mục tiêu “Mông hóa” *Kinh Thánh*, làm cho Chúa Trời gần gũi với dân tộc này hơn. Điều quan trọng mà ông tìm mọi cách phấn đấu là việc “đồng hóa” và gắn các điển tích trong *Kinh Thánh* của Công giáo với những quan niệm về vũ trụ, con người và cuộc sống của dân tộc người Mông để họ dễ tiếp nhận Chúa⁴.

Sự kiên trì, bền bỉ của Linh mục F.M. Savina đã được đền đáp bằng việc 05 gia đình người Mông đầu tiên ở xã Hào Thào và xã Lao Chải chấp nhận cải đạo vào năm 1921. Đây được xem là thành công đầu tiên của giáo sĩ khi rao giảng đức tin Kitô vào vùng người Mông ở Lào Cai. Khi có một số người theo đạo, địa điểm sinh hoạt tôn giáo trở nên cần thiết, vì vậy, năm 1922, F.M. Savina cho xây dựng nhà giảng đạo ở

thôn Lò Lao Chải làm nơi giảng dạy giáo lý và sinh hoạt cộng đồng. Đây là một ngôi nhà gỗ nhỏ, tiện nghi rất đơn sơ nhưng cũng đủ để thực hiện các nghi lễ và là nơi nghỉ của linh mục mỗi khi đến hành lễ.

Công việc truyền giáo tiếp tục được quan tâm, nhưng giáo sĩ F.M. Savina phải đối diện với nhiều khó khăn khiến cho việc phát triển đạo gặp nhiều cản trở như: dân cư thưa thớt chủ yếu sinh sống ở các bản làng xa xôi hẻo lánh, đời sống kinh tế thiếu thốn, dân trí thấp kém, tập quán lạc hậu và nhất là sự bất đồng về ngôn ngữ. Ông nói được tiếng Mông, song chắc chắn khó có thể diễn giải hết những nội dung trong Kinh Thánh để đồng bào có thể hiểu được một cách đơn giản nhất, nên để tiếp tục đẩy mạnh phát triển tín đồ, trong những năm 1924 - 1925, F.M. Savina mời hai đoàn giáo sĩ người Mông từ Vân Nam (Trung Quốc) sang Sa Pa trợ giúp. “Với sự hợp tác của hai toán thừa sai người Mông từ Vân Nam sang, trong hai năm 1924-1925, đã có thêm 20 gia đình tòng giáo”⁵. Những giáo sĩ người Mông từ Vân Nam sang đã hỗ trợ đắc lực cho việc truyền giáo, góp phần tích cực trong việc phát triển đạo. Họ là những người đồng tộc, cùng tiếng nói, cùng văn hóa, nếp nghĩ với người Mông Sa Pa nên đến với nhau tự nhiên hơn, gần gũi hơn, thân mật hơn.

Hiểu rõ vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng người Mông, F.M. Savina tìm cách thuyết phục được Trưởng họ Mã A Thông (thôn Hang Đá, xã Hầu Thào) và Bình thầu Lò A Tính (xã Lao Chải) theo Công giáo. Với những biện pháp trên, công cuộc truyền giáo của ông đã đạt được những kết quả thiết thực. Đến năm 1927, hai giáo họ Hầu Thào và Lao Chải được thành lập, với số lượng giáo dân dù không nhiều, nhưng chứng tỏ một bộ phận người Mông đầu tiên cải đạo, theo Công giáo. Cho đến thập niên 1940, trong vùng đã có 33 gia đình người Mông tin đạo rải rác trong 11 làng khác nhau.

Bên cạnh đó, được sự ủng hộ của Công sứ Pháp, F.M. Savina còn đưa ra những chính sách thu hút đồng bào đến với Công giáo. Những người theo đạo đầu tiên được cấp một số ruộng nương; không phải đi phu, được giảm hoặc miễn thuế; được bệnh vực trong xử kiện, theo đạo sẽ được người Pháp giúp đỡ⁶. Ông còn đưa một số người đi thăm Hà Nội và Hải Phòng để họ mở rộng sự hiểu biết về văn minh đô thị.

F.M. Savina dạy người Mông trồng rau quanh nhà để cải thiện bữa ăn, cách ăn ở hợp vệ sinh; cho thuốc chữa bệnh khi ốm đau, hỗ trợ lương thực khi thiếu đói... Những điều này đem lại lợi ích thiết thực cho đồng bào Mông, có tác dụng lớn trong việc truyền bá Công giáo. Đặc biệt, để đáp ứng mong ước của người Mông về chữ viết⁷, F.M. Savina đã xây dựng bộ chữ Mông lấy âm Mông Đu xã Tả Phìn (Sa Pa) làm âm tiêu chuẩn⁸. Đồng thời, ông hứa hẹn xây dựng trường học và dạy chữ viết cho người Mông. Điều này thực sự hấp dẫn đồng bào, nên một bộ phận người Mông chấp nhận cải đạo, bởi với những người Mông theo đạo họ coi tôn giáo “là phương tiện nhằm giải quyết những nhu cầu bức xúc của đời sống hiện thực chứ không quan tâm nhiều về triết lý, về hạnh phúc hư ảo của thế giới bên kia”⁹. Với những việc làm trên của F.M. Savina, công cuộc truyền giáo của ông đã có kết quả.

Tuy nhiên, giai đoạn này, số người theo đạo vẫn rất ít ỏi và phát triển chậm do hầu hết những dòng họ lớn và thủ lĩnh vùng đều không muốn tiếp nhận Công giáo vì tư tưởng “khép kín” muốn bảo vệ văn hóa truyền thống, ngại sự xâm nhập của cái mới¹⁰. Do đó, việc phát triển Công giáo trong vùng người Mông tiến triển rất chậm. Mỗi năm có thêm vài gia đình theo đạo. Đến với Công giáo, tôn giáo của phương Tây, thời gian đầu, người Mông còn dè dặt, vừa muốn theo đạo vừa không muốn từ bỏ tín ngưỡng truyền thống. Yếu tố dòng họ cũng như văn hóa truyền thống của đồng bào Mông còn rất đậm nét làm cho sự thâm nhập giáo lý Công giáo gặp không ít trở ngại, đôi khi “xung đột văn hóa” giữa người theo đạo với người không theo đạo trên một địa bàn. Điều đó cho thấy, cái “lý mới” muốn thay thế cái “lý cũ” phải trải qua nhiều gian nan, đòi hỏi sự kiên trì của những nhà truyền giáo.

Năm 1934, giáo sỹ Paul Marcel Doussoux¹¹ được mời đến Sa Pa coi sóc những người Mông Công giáo. Doussoux đến Sa Pa, trong vòng ba tuần, ông gặp gỡ người Mông tại các làng của họ, kiểm tra lại những kiến thức về Công giáo, hướng dẫn về hộ tịch... đồng thời cũng dạy họ về sự cần thiết của lễ Rửa tội và bổn phận của Kitô hữu. Những năm sau này, cứ mỗi năm hai lần, giáo sỹ Doussoux rời vùng Nghĩa Lộ để đến với người Mông Sa Pa¹². Như vậy, vị linh mục này không thường trú tại giáo xứ Sa Pa mà chỉ thỉnh thoảng lên đây làm lễ.

Nói đến giáo xứ Sa Pa, không thể không nhắc đến Linh mục Jean Pierre Idiart Alhor¹³. Ông đã có mặt tại Sa Pa để thực hiện việc truyền giáo vào vùng người vùng người Mông từ năm 1937 đến năm 1948. Trong khoảng thời gian này, Linh mục Idiart Alhor tiếp tục những công việc mà những người tiền nhiệm đã làm. Ông thường xuyên đến với người dân tộc Mông ở các xã Lao Chải, Hầu Thào vừa giảng đạo vừa hướng dẫn thực hành nghi lễ; khuyến người dân ăn ở hợp vệ sinh, trồng rau, nuôi gà để cải thiện cuộc sống. Sự cố gắng của Idiart Alhor trong việc truyền đạo đã đem lại một kết quả nhất định. Số tân tòng dần tăng lên. Theo một nghiên cứu của Vương Duy Quang, đến năm 1945, số người Mông theo Công giáo lên tới 240 hộ gia đình ở huyện Sa Pa (Lào Cai) và huyện Trạm Tấu (Yên Bái)¹⁴. Có thể nói, với những nỗ lực của các giáo sỹ về việc phát triển đạo, số người Mông theo Công giáo ở Lào Cai tăng dần theo các năm.

Về lịch sử truyền giáo vào cộng đồng người Mông ở Lào Cai cũng cần kể đến một sự kiện có ít nhiều liên quan. “Năm 1942, bắt đầu cuộc chiến tranh Thái Bình Dương, 10 nữ tu thuộc Hội Thánh Xitô Cải cách (Trappiste) đã bị trục xuất khỏi Nhật Bản đến tị nạn tại Đông Dương. Đại sứ Pháp tại Nhật Bản đã viết thư cho Giám mục Giáo phận Hưng Hóa xin cho họ đến vùng này truyền đạo. Vào tháng 02/1942, Thống sứ Bắc Kỳ ký một khế ước có giá trị lâu dài chuẩn y việc cấp cho đoàn nữ tu khu đất hoang cạnh trạm nghiên cứu giống cây ăn quả Tả Phìn, cách Sa Pa khoảng 8 km. Chính giáo sỹ Idiart-Alhor, quản nhiệm giáo xứ Sa Pa, không ngần ngại cho xây dựng tu viện mới. Viên đá đầu tiên của công trình xây dựng Tu viện Đức Nữ Đồng Trinh Hòa Bình dòng Khổ hạnh Hội Thánh Xitô Cải cách ở Tả Phìn được xây dựng vào ngày 8/10/1942. Dự định sau khi xây xong, tu viện sẽ đón thêm 100 nữ tu và các tập sinh, nhưng điều này đã không bao giờ được thực hiện. Năm 1945, do tình hình an ninh bất ổn, đoàn nữ tu đã di tản về Hà Nội, bỏ lại tu viện hoang tàn”¹⁵.

2. Giai đoạn 1948 - 1989: Suy giảm số lượng

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã tác động đến tất cả các mặt của đời sống xã hội. Hoạt động truyền bá Công giáo trong người Mông ở Lào Cai thời gian này hầu như không có kết quả đáng kể. Nhà

thờ bị hư hại, không có linh mục chủ chăn. Mọi sinh hoạt tôn giáo chủ yếu do các gia đình tự túc, cơ bản chỉ giữ đạo bằng cách hằng ngày cầu nguyện và đọc kinh thánh theo trí nhớ. Việc cưới xin, ma chay vẫn theo nghi thức Công giáo nhưng mờ nhạt. Giáo dân không được lãnh nhận các bí tích. Số người bỏ đạo gấp 5 lần số người theo đạo. “Nguyên nhân chủ yếu khiến cho đạo Thiên Chúa không phát triển được ở vùng người Hmông trong thời kỳ này là do người Hmông luôn khát khao độc lập, tự do, thoát khỏi ách cai trị của thực dân phong kiến nên họ không thể chấp nhận đạo Thiên Chúa do sỹ quan Pháp đem vào vùng người Hmông. Người Hmông quan niệm đạo Thiên Chúa là đạo của người Tây, Tây bị đánh đổ thì đạo cũng hết”¹⁶. Một nguyên nhân nữa là, nếu như trước đây, người Mông theo Công giáo để giải quyết một số quyền lợi trước mắt, thì từ năm 1950, Lào Cai được giải phóng, chính quyền cách mạng được thiết lập, người dân được hưởng tự do, những quyền lợi về kinh tế, chính trị được chế độ mới đảm bảo, nên nhiều gia đình không theo đạo nữa.

Trong hoàn cảnh ấy, số người theo Công giáo giảm sút nhanh chóng, chỉ còn một số hộ ít ỏi trong vùng. Họ không tránh khỏi bị phân biệt đối xử, trở nên lạc lõng trong cộng đồng. Đây là lý do nhiều gia đình Mông Công giáo dần nhạt đạo, bỏ đạo. Thêm vào đó, một số giáo dân bị kẻ xấu lợi dụng chống đối chính quyền nên không được sự ủng hộ của cộng đồng¹⁷.

Sau năm 1954, tình hình an ninh chính trị vùng Công giáo ở Lào Cai có diễn biến mới; thêm vào đó, điều kiện kinh tế - xã hội miền núi rất khó khăn, thiếu thốn đã tác động không nhỏ đến việc giữ đạo của đồng bào. Đặc biệt là, năm 1954, tín đồ Công giáo miền Bắc di cư ồ ạt vào Nam. Giáo phận Hưng Hóa, giáo dân di cư ít hơn các giáo phận miền Bắc khác, nhưng linh mục thì vào Nam khá nhiều. Theo thống kê của Linh mục Trần Tam Tĩnh, số giáo hữu ở Giáo phận Hưng Hóa di cư chiếm 9% tổng số tín đồ (7.000 trong tổng số 78.000); số linh mục di cư chiếm tới 45% (24 trong tổng số 54)¹⁸.

Riêng ở Lào Cai, thời điểm này không ghi nhận có giáo dân người Mông không di cư vào Nam. Nguyên nhân có thể từ sau năm 1948, tại Lào Cai không có linh mục quản xứ, do đó nhiều gia đình người

Mông đã nhạt đạo, bỏ đạo, nên khi có tin “Chúa đã vào Nam”, họ không di cư như ở nhiều địa phương miền Bắc khác. Mặt khác, vì đường xá xa xôi, hiểm trở, đi lại khó khăn, đời sống của người dân lại quá nghèo khổ do hậu quả của chính sách cai trị thực dân phong kiến cũng là trở ngại khi các gia đình người Mông muốn dời quê hương xứ sở để theo Chúa. Thêm nữa, dù theo Công giáo đã lâu, nhưng yếu tố văn hóa truyền thống vẫn rất sâu đậm trong mỗi người Mông, nhất là tính cố kết cộng đồng làng bản, dòng họ. Người Mông trong lịch sử đã có nhiều cuộc thiên di, nhưng một khi đã di cư thì phải theo dòng họ, hiếm khi một vài hộ gia đình, càng không thể một vài người di cư, trong khi đó, số theo Công giáo chỉ còn vài ba chục hộ thuộc mấy dòng họ (Mã, Lò, Lý, Giàng...), mỗi họ vài hộ sống rải rác trên thôn bản, nên họ không di cư vào Nam.

Cho đến năm 1960, tình hình Công giáo ở miền Bắc tương đối ổn định. Nhưng do thiếu linh mục, giáo dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi phía Bắc sống tản mát trên một địa bàn rộng, nên khó phát triển tín đồ, hoạt động tôn giáo rất hạn chế. Lào Cai cũng không nằm ngoài tình trạng ấy. Hai giáo họ Hầu Thào và Lao Chải trong giai đoạn này sinh hoạt đạo không đều đặn; không có linh mục, thiếu người hướng dẫn; tổ chức lỏng lẻo... nên không thu hút được tín đồ. Trong giai đoạn từ 1960 -1985, công cuộc truyền giáo vào vùng người Mông ở các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung và Lào Cai nói riêng cũng không có tiến triển đáng kể. Do đó, đến năm 1985, chỉ còn 56 hộ người Mông ở Sa Pa và vài chục hộ người Mông ở Trạm Tấu theo Công giáo¹⁹. Địa bàn Công giáo của người Mông bị thu hẹp nhanh chóng. Nếu trước đây, tại Sa Pa, số gia đình theo đạo có ở các xã Lao Chải, Hầu Thào, Sa Pa thì nay chỉ còn tập trung tại xã Lao Chải, nơi có người Mông đầu tiên theo đạo. Suốt một thời gian dài, vùng này vừa không có linh mục vừa không có Trùm trưởng (Trưởng ban hành giáo) nên có rất ít các hoạt động tôn giáo. Những người Mông còn giữ đạo hầu như chỉ thực hiện các lễ nghi Công giáo trong nhà mình thông qua việc đọc kinh, cầu nguyện và làm dấu thánh trước bữa ăn. Người bận việc không có điều kiện đọc kinh, các thành viên khác trong gia đình có trách nhiệm đọc kinh và cầu nguyện thay. Phương pháp giữ đạo chủ yếu là truyền miệng. Cha mẹ đọc kinh, cầu nguyện, trẻ em thực hành theo. Nghi lễ

hôn nhân cũng rất đơn giản, người có uy tín trong họ đạo (chẳng hạn như ông Lò A Tính ở Lao Chải) sẽ tiến hành làm các thủ tục cho đôi nam nữ và ghi vào Sổ Hôn phối. Trong tang lễ cũng vậy, khi có người qua đời, gia đình mời người có uy tín đến đọc kinh làm lễ. Trong gần 60 chục năm, cộng đồng người Mông Công giáo không có ai xung tội, thông công với Chúa và thực hành lễ trọng.

Những năm 1980, một số gia đình người Mông theo Công giáo ở hai xã Lao Chải và Hào Thào di cư sang các địa phương lân cận, cụ thể 04 hộ đến xã Nậm Xé (huyện Văn Bàn); một số hộ đến xã Tả Phời (thị xã Lào Cai) trở thành những người theo Công giáo đầu tiên ở nơi này. Do số hộ ít ỏi, nhỏ lẻ, không có người hướng dẫn hành đạo, nên mọi sinh hoạt tôn giáo rất mờ nhạt. Với điều kiện như thế, nên trải qua hàng chục năm, số người Mông theo Công giáo ở huyện Văn Bàn và thị xã Lào Cai (nay là thành phố Lào Cai) có tăng lên, nhưng là tăng tự nhiên, do tách hộ và quan hệ hôn nhân là chính nên phát triển rất chậm chạp. Đời sống đạo rất đơn giản, tín đồ chủ yếu sinh hoạt tôn giáo tại nhà, thỉnh thoảng trở về giáo họ cũ làm lễ.

3. Giai đoạn 1990 - nay: Phục hồi phát triển

Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, các mặt đời sống xã hội của đất nước nói chung và vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng có nhiều chuyển biến tích cực. Kinh tế phát triển, xã hội ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện. Quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cởi mở hơn. Ngày 16/10/1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 24-NQ/TW về *tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*, với ba luận điểm mang tính đột phá: tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài; tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Bên cạnh đó, tôn giáo còn được nhìn nhận không chỉ là hình thái ý thức xã hội mà còn là thực thể xã hội. Văn hóa tôn giáo được đặt trong văn hóa dân tộc nhằm khơi dậy những suy nghĩ, hành động tích cực của quần chúng có tôn giáo cũng như không có tôn giáo. Sự cởi mở về đường lối của Đảng trong công tác tôn giáo đã có tác động đến đời sống của đồng bào có đạo. Với quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước là

tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân; đồng bào các tôn giáo là một bộ phận của khối đại đoàn kết dân tộc. Quan điểm này đã khắc phục các biểu hiện như phân biệt đối xử, mặc cảm vì lý do tôn giáo và đặc biệt là kiên quyết đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng chia rẽ, phá hoại khối đoàn kết dân tộc.

Giáo hội Công giáo Việt Nam chủ trương đẩy mạnh hoạt động củng cố đức tin; khôi phục, chia tách, thành lập giáo xứ, giáo họ, giáo điểm và xây dựng nhà thờ, nhà nguyện. Tại Lào Cai, từ năm 1990 trở lại đây, số người Mông theo Công giáo từ trước được phục hồi. Nhà thờ Sa Pa hoạt động trở lại, được tu sửa khang trang hơn vào năm 1995. Hai giáo xứ Lao Chải và Hầu Thào (Sa Pa) được tái lập, trở lại sinh hoạt bình thường, những dịp lễ trọng có linh mục đến dâng lễ và cử hành bí tích. Từ năm 2004 đến năm 2006, thánh lễ Chủ nhật hàng tuần ở hai giáo xứ đều có linh mục từ Lào Cai tới phục vụ.

Để ổn định nhân sự, tháng 5/2006, Tòa Giám mục Giáo phận Hưng Hóa cử linh mục lên quản nhiệm Giáo xứ Sa Pa và thường trú tại Nhà thờ Sa Pa, chấm dứt gần 60 năm không có linh mục chính xứ. Thánh quan thầy của Giáo xứ Sa Pa là Đức Mẹ Mân Côi, được tổ chức kỷ niệm vào tháng 10 hằng năm. Các giáo họ đều có thánh quan thầy riêng (thánh quan thầy của giáo họ Lao Chải là Micae; thánh quan thầy của giáo họ Hầu Thào là Giuse). Giáo xứ Sa Pa có ba giáo họ gồm giáo họ chính xứ, giáo họ Hầu Thào và giáo họ Lao Chải.

Để phụ giúp linh mục trong các công việc đạo, Giáo xứ Sa Pa bầu ra Ban hành giáo xứ, gồm trưởng ban, hai phó trưởng ban, thư ký, thủ quỹ và các ủy viên. Hoạt động của Ban hành giáo xứ khá năng động, điều hành các công việc trong giáo xứ theo quy định của Giáo phận. Nhiệm kỳ của Ban hành giáo xứ là 4 năm theo quy định của Tòa Giám mục Hưng Hóa. Ban hành giáo xứ được bầu cử theo hình thức bỏ phiếu, bầu dân chủ. Dưới Ban hành giáo xứ là các Ban hành giáo họ, giúp việc các họ đạo; cũng có trưởng ban, phó trưởng ban, thư ký và các ủy viên.

Đến tháng 12/2017, tổng số giáo dân người Mông theo Công giáo trên địa bàn tỉnh Lào Cai khoảng trên 3.000 người, tập trung chủ yếu ở Giáo xứ Sa Pa, một bộ phận nhỏ ở huyện Văn Bàn và thành phố Lào Cai. Hằng năm, số tân tòng tăng khoảng 30 người. Giáo lý viên trong

toàn giáo xứ có khoảng trên dưới 20 người, thay phiên hỗ trợ nhau dạy giáo lý cho thiếu nhi. Hiện nay có một số linh mục dòng lên giảng đạo; thỉnh thoảng có nữ tu dòng Mến Thánh giá thuộc Giáo phận Hưng Hóa tới giúp linh mục xứ một thời gian ngắn vào những dịp thánh lễ.

Như vậy, sau một thời gian dài, Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai không những không phát triển, mà còn suy giảm về số lượng. Nhưng sau năm 1990, cùng với sự đổi mới nhận thức về lĩnh vực tôn giáo của Đảng và Nhà nước, Giáo hội tích cực khôi phục và củng cố đức tin ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai phát triển khá nhanh, tuy không đều đặn và địa bàn phân bố cũng chỉ tập trung đậm nhất ở giáo xứ Sa Pa mà thôi. Còn ở những nơi khác, như ở Văn Bàn và thành phố Lào Cai, số lượng tín đồ ít ỏi, phân tán. Trong bối cảnh Giáo hội Công giáo Việt Nam xác định Lào Cai nằm trong khu vực truyền giáo với việc các linh mục đang khôi phục lại các điểm giáo ở vùng người Mông trước đây từng theo Công giáo để mở rộng địa bàn truyền giáo, chắc chắn số lượng tín đồ Công giáo người Mông sẽ tiếp tục gia tăng trong thời gian tới.

Một vài nhận xét

Công giáo được truyền nhập vào vùng người Mông ở Lào Cai tương đối muộn so với các địa bàn khác ở khu vực miền núi phía Bắc. Việc truyền giáo ở đây, ngay từ buổi đầu do các giáo sĩ Hội Thừa sai Hải ngoại Paris (MEP) gắn với sự hiện diện của người Pháp trong công cuộc xâm chiếm Lào Cai. Quá trình truyền đạo của các giáo sĩ gặp không ít khó khăn, trở ngại do sự khác biệt giữa văn hóa Công giáo với phong tục, tập quán và sự phản kháng của của đồng bào Mông. Tuy nhiên, với sự kiên trì, bền bỉ của các linh mục, bằng nhiều cách thức linh hoạt, Công giáo đã dần được một bộ phận người Mông tiếp nhận như một sự cải đạo.

Quá trình phát triển Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai trong một số giai đoạn bị “đứt gãy” do chiến tranh và điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt là không có linh mục quản xứ, nên số lượng tín đồ không những không tăng mà còn giảm sút, hiện tượng khô đạo, nhạt đạo, thậm chí bỏ đạo là một thực tế khó tránh khỏi. Từ năm 1990 đến nay, Công giáo trong cộng đồng người Mông ở Lào Cai

dần phục hồi và gia tăng về số lượng, mở rộng về địa bàn, biểu hiện rõ nét nhất là sự xuất hiện nhiều họ đạo công giáo ở nhiều xã trong tỉnh. Người Mông từng bước tiếp xúc với văn hóa Công giáo, phối hợp với các chức sắc tham gia tổ chức và thực hành các nghi lễ. Công giáo đã và đang ảnh hưởng nhiều mặt trong đời sống xã hội của vùng người Mông có đạo ở Lào Cai./.

CHÚ THÍCH:

- 1 http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/169/0/2827/Lao_Cai_thuc_hien_tot_chinh_h_sach_tu_do_tin_nguong_ton_giao_gop_phan_giu_vung_on_dinh_chinh_tri_tang
- 2 Giám mục đầu tiên của Giáo phận Hưng Hóa giai đoạn 1895-1938
- 3 Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 179,
- 4 Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa Tâm linh của người Hmông ở Việt Nam - Truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội, tr. 227.
- 5 Văn phòng Thư kí Hội đồng Giám mục Việt Nam (1996), *Công giáo Việt nam sau quá trình năm mươi năm (1945-1995)*, Công giáo và Dân tộc, số Xuân 1996, tr. 514.
- 6 Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- 7 Trong truyền thuyết, đồng bào kể nhiều câu chuyện về việc người Hán và người Mãn Thanh không cho người Mông nói tiếng Mông, viết chữ Mông, xua đuổi người Mông làm cho họ bị mất chữ viết của mình.
- 8 Mã A Lệnh, Từ Ngọc Vụ (2014), *Tiếp cận văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 454.
- 9 Trần Hữu Sơn, sđd, tr. 187.
- 10 Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam, Truyền thống và hiện tại*, Nxb. Văn hóa Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội, tr. 229.
- 11 Paul Marcel Doussoux (MEP) sinh năm 1900, thụ phong linh mục tháng 5/1926, được cử đến Giáo phận Hưng Hóa tháng 10/1926.
- 12 Hoàng Thị Bích Ngọc, “Các giáo sỹ Hội Thừa sai Hải ngoại Paris với sự thiết lập cộng đồng Mông Công giáo tại miền núi phía Bắc Việt Nam”, in trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2011), *Tôn giáo, Tín ngưỡng chặng đường 20 năm (1991-2011)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 528-529.
- 13 Tháng 4/1933, Linh mục J. P. Idiart Alhor được cử sang Việt Nam, làm thư kí Tòa Giám mục Giáo phận Hưng Hóa. Ông sống cùng đồng bào Mông và bắt đầu công việc của mình. Ông mất tháng 5/1948, tại Sa Pa (Lào Cai).
- 14 Vương Duy Quang (2004), *Người Hmông ở Việt Nam và những thay đổi trong đời sống tâm linh của họ từ thời kì đổi mới đến nay*, báo cáo khoa học lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
- 15 Hoàng Thị Bích Ngọc, “Các giáo sỹ Hội Thừa sai Hải ngoại Paris với sự thiết lập cộng đồng Mông Công giáo tại miền núi phía Bắc Việt Nam”, in trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2011), *Tôn giáo, Tín ngưỡng chặng đường 20 năm (1991-2011)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 534.
- 16 Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 182.
- 17 Xem thêm: *Công an nhân dân Lào Cai: Lịch sử biên niên (1945-2000)*, Lào Cai, 2000, tr. 117-118.

- 18 Dẫn theo: Nguyễn Quang Hưng (2004), “Vài nét về cuộc di cư của giáo dân Bắc Kỳ sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6, tr. 23.
- 19 Vương Duy Quang (2004), *Người Hmông ở Việt Nam và những thay đổi trong đời sống tâm linh của họ từ thời kì đổi mới đến nay*, Báo cáo khoa học, Phòng Thư viện, Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thị Thu Giang (2011), *Ảnh hưởng của văn hóa tín ngưỡng truyền thống đến đời sống đạo của giáo dân Hmông ở Giáo xứ Sa Pa (Lào Cai)*, Luận văn Thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Mã A Lệnh, Từ Ngọc Vụ (2014), *Tiếp cận văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. *Lược sử Giáo phận Hưng Hóa*, <http://www.giaophanhunghoa.org/vi/giaophan/gioi-thieu>.
4. Hoàng Thị Bích Ngọc, “Các giáo sỹ Hội Thừa sai Hải ngoại Paris với sự thiết lập cộng đồng Mông Công giáo tại miền núi phía Bắc Việt Nam”, in trong Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2011), *Tôn giáo, Tín ngưỡng chặng đường 20 năm (1991-2011)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin & Viện Văn hóa, Hà Nội.
6. Francoise Maria Savina (1924), *Histoire de Miao*, Hong Kong. Bản dịch của Đỗ Trọng Quang (1971), *Lịch sử người Mèo*, Tài liệu lưu trữ tại Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
7. Trần Hữu Sơn (1996), *Văn hóa Hmông*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
8. Thảo Xuân Sùng chủ biên (2009), *Dân tộc Mông Sơn La với việc giải quyết vấn đề tín ngưỡng tôn giáo hiện nay*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Abstract

EVANGELIZATION AND DEVELOPMENT OF CATHOLICISM IN THE MONG COMMUNITY IN LAO CAI PROVINCE

Le Đình Lợi

Lao Cai Politics College

Catholicism was introduced into the mountainous provinces in the North late compared to other regions in the country. In the early twentieth century, after nearly 400 years of presence in Vietnam, Catholicism was spread to the Mong people in Lao Cai by missionaries of the Society of Foreign Missions of Paris (MEP). The process of formation and development of Catholicism in the Hmong community in Lao Cai since the 1920s has undergone vicissitudes, it has been seemingly no longer exist. However, thanks to the piety of believers, Catholicism has overcome a difficult period, gradually developed and re-established a community there.

Keywords: Catholicism; missionaries; Mong people; Sa Pa; Lao Cai; Vietnam.